

致理科技大學校內宿舍住宿生應遵守事項

一、學生宿舍管制開放時間為每日上午6時至晚間11時，其餘時間關閉。週一至週四晚間11時實施點名，若需外宿，須於當日19時前辦妥手續；有緊急事件無法按時回宿舍者，亦應先通報值班人員及樓長（軍訓室專線 02-22580318）。凡連續外宿達4天以上，或一學期累計達10天以上者（不包括例假日及考試期間），列入下學期核准住宿之參考；特殊或緊急事故持有證明專案報備核准者除外。

Thời gian quản lý sinh viên ở ký túc xá hàng ngày từ 6 giờ sáng đến 11 giờ đêm và sẽ đóng cửa trong thời gian còn lại. Từ thứ hai đến thứ năm vào lúc 11:00 tối sẽ điểm danh các phòng, nếu sinh viên muốn ở bên ngoài ký túc xá, cần phải hoàn thành các thủ tục xin ở ngoài ký túc xá trước 19:00 cùng ngày. Nếu có trường hợp khẩn cấp không thể quay lại ký túc xá đúng giờ, trước tiên sinh viên phải thông báo cho nhân viên trực ban và lầu (phòng quân sự 02- 22580418). Những người đã ở ngoài ký túc xá hơn 4 ngày liên tiếp, hoặc tích lũy hơn 10 ngày ở ngoài ký túc xá trong một học kỳ (không bao gồm ngày nghỉ lễ và thời gian kiểm tra thi cử), trừ các trường hợp những người có giấy chứng minh được phép ở ký túc xá, những trường hợp đặc biệt hoặc khẩn cấp.

二、住宿學生於收到住宿費暨住宿保證金繳費單後，應於規定時間內完成繳費。住宿生入住時應持宿舍「設備檢查表」，詳細檢查個人鋪位所屬之公物，若有損壞或短缺者，須立即向自治幹部或管理人員反映並登記報修。個人寢室內之公物，須自負保管之責，如因不當使用致公物損壞或遺失時，應負賠償責任。

Sau khi nhận được hóa đơn thanh toán phí đặt cọc ký túc xá và phiếu thanh toán phí ở ký túc xá, sinh viên phải hoàn thành việc thanh toán trong thời gian quy định. Sinh viên đang ở ký túc xá cần phải điền "đơn kiểm tra thiết bị" và gửi cho ký túc xá để kiểm tra tài sản công cộng. Nếu có bất kỳ hư hỏng hoặc thiếu hụt nào, họ cần báo cáo ngay cho cán bộ tự quản hoặc quản lý và đăng ký sửa chữa. Đối với các tài sản công cộng trong phòng ngủ cá nhân, sinh viên phải tự chịu trách nhiệm cho việc giữ gìn bảo vệ tài sản chung. Nếu tài sản công bị hư hỏng hoặc mất do sử dụng không đúng cách, sinh viên sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường.

三、各寢室之冷氣卡由寢室長自行保管，發卡時須繳押金新台幣壹佰元整(製卡費)；若有遺失，無法補發，並須重新儲值。

Mỗi phòng đều có thẻ máy lạnh do trưởng phòng cất giữ bảo quản, Phí khi phát hành thẻ là 100 Đài tệ ,nếu bị mất, sẽ không được cấp lại, và đồng thời phải nạp tiền lại từ đầu.

四、各寢室床號1號者為各寢室室長，負有該寢室管理、費用收繳、參加室長會議、宣達宿舍重要事項之責。1號床位同學因故空缺者，由2號床位同學遞補。

Mỗi ký túc xá giường số 1 sẽ là trưởng phòng ký túc xá, quản lý chi phí thu tiền cả phòng, có trách nhiệm tham gia cuộc họp của các trưởng phòng, tuyên truyền các vấn đề quan trọng. Nếu giường 1 bị bỏ trống vì lý do nào đó, thì sinh viên ở giường 2 sẽ được cử làm trưởng phòng.

五、各寢室每日輪值值日生1人，依序由床號1號至4號同學擔任星期一至星期四之值日工作，星期五、六、日及例假日之值日生由室長主動安排留宿同學擔任。值日生負責寢室內之清潔打掃（含浴室、廁所及陽台）、垃圾清除及回收工作。各寢室成員亦須輪值該樓層之公共區域環境打掃工作，並完成輪值交接。室友間應發揮主動積極、互助合作、友善尊重精神。

Mỗi ngày đều phải thay phiên nhau tiến hành trực nhật, làm việc theo thứ tự như công việc từ thứ Hai đến thứ Năm theo của số giường của sinh viên từ số 1 đến số 4. Riêng thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ sẽ do người trưởng phòng chủ động sắp xếp cho những người khác trực nhật. Người trực nhật sẽ phải chịu trách nhiệm làm sạch phòng ngủ (bao gồm phòng tắm, nhà vệ sinh và ban công), đổ rác và phân loại rác tái chế. Mỗi thành viên trong phòng cũng phải luân phiên dọn dẹp khu vực công cộng và hoàn thành việc chuyển nhượng công việc cho ngày hôm sau. Mỗi thành viên trong phòng nên chủ động, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau`.

六、門口外、走廊上、陽台及寢室內禁止釘或貼任何掛勾、釘子，天花板管線禁止懸掛衣物，亦不可堆置垃圾、雜物及於走廊晾晒雨傘等。寢室牆面並嚴禁張貼海報、掛圖，以維持牆面整潔。

Cấm đóng đinh hoặc dán bất kỳ móc hoặc đinh nào ở bên ngoài cửa, trên hành lang, ban công và trong phòng ngủ. Cấm treo quần áo trên đường ống và cũng

không được phép xếp rác, đồ lặt vặt và ô dù trên hành lang. Nghiêm cấm đăng áp phích và hình ảnh lên tường của phòng ngủ để giữ cho bức tường sạch sẽ và gọn gàng.

七、宿舍內(外)全面禁菸；亦不得在宿舍內吸食或販賣主管機關公告禁止之煙毒或麻醉藥品。

Nghiêm cấm hoàn toàn hút thuốc lá trong ký túc xá, không được hút thuốc hoặc thuốc gây mê, thuốc cấm mà bị cấm bởi các cơ quan có thẩm quyền ở bên trong hoặc ngoài ký túc xá.

八、不得在宿舍私自炊膳。

Cấm nấu ăn trong ký túc xá

九、嚴禁使用未經許可之瓦斯爐具及高負載之電器用品(如電鍋、烤麵包機、電磁爐、電水壺、微波爐、電暖器、電視機等)。

Cấm sử dụng bếp gas trái phép và các thiết bị điện tải cao (như nồi cơm điện, lò nướng bánh, nồi, ấm đun nước điện, lò vi sóng, lò sưởi, TV, vv).

十、不得在寢室內或宿舍走道、院內停放腳踏車、機車及擺置私人物品。

Không đỗ xe đạp, xe máy và vật dụng cá nhân trong ký túc xá hoặc trong lối đi bộ ký túc xá hoặc trong sân trường.

十一、夜間12時至凌晨7時，不得使用洗衣、脫水及烘衣設備，以維護住宿安寧。

宿舍內應保持肅靜，不得有妨礙他人之聲響及行為，如嘻笑、喧嘩、彈奏樂器、爭吵、鬥毆、賭博及飲酒等情事；夜間11時後應降低音量。

Các máy giặt ủi, máy hong và máy sấy khô không được phép sử dụng từ 12 giờ tối đến 7 giờ sáng để duy trì sự yên tĩnh. Ký túc xá phải luôn giữ sự yên tĩnh và không được có những âm thanh và hành vi làm ảnh hưởng đến người khác, chẳng hạn như nhếch mép, chửi thề, chơi nhạc cụ, cãi nhau, đánh nhau, đánh bạc và uống rượu, cần phải nói nhỏ nhẹ sau 11 giờ đêm

十二、不得在宿舍內飼養寵物或其他動物。

Không được nuôi động vật khác trong ký túc xá.

十三、宿舍內嚴禁打麻將及賭博。nghiêm cấm đánh cờ bạc trong ký túc xá.

十四、嚴禁私自轉讓住宿權利及擅自調換寢室或床位；寢室內鋪位經公告，如因個人因素欲調整，基於自治管理，可互相協調，但仍須完成報備。另外，禁止兩人共用一個床位。

Nghiêm cấm chuyển quyền ở riêng và thay đổi ký túc xá hoặc giường mà không được cho phép. Nếu muốn điều chỉnh do yếu tố cá nhân, sinh viên có thể phối hợp với nhau và đồng thời phải báo cáo ngay với quản lý ký túc xá. Ngoài ra, hai người không được phép dùng chung giường.

十五、住宿學生應於不影響個人隱私情況下，接受師長探訪、巡視或配合學校舉辦之相關活動（如整潔布置評比）。如有違反規定情事之虞者，亦應接受管理人員進入查察。

Sinh viên ở trọ phải chấp nhận các chuyến thăm, tuần tra hoặc hợp tác với các hoạt động liên quan do trường tổ chức (như đánh giá sạch sẽ gọn gàng) mà không ảnh hưởng đến quyền riêng tư cá nhân. Nếu có bất kỳ sự vi phạm quy định nào, cũng sẽ bị nhân viên quản lý phạt trừ điểm.

十六、應按規定參加宿舍舉辦之各項活動及演練（如：住宿生會議、室長會議、防災逃生演練）。

Tham gia vào các hoạt động khác nhau và diễn tập được tổ chức trong ký túc xá theo yêu cầu (ví dụ: cuộc họp ký túc xá, cuộc họp trưởng phòng, phòng chống thiên tai và thoát hiểm).

十七、不可無故開啟(使用)消防安全設備、逃生門(窗)及緊急按鈕。Thiết bị an toàn phòng cháy, cửa thoát hiểm (cửa sổ) và các nút khẩn cấp không được sử dụng mà không có lý do.

十八、個人財務應妥善保管，身邊不得放置鉅款，以免遭人覬覦。Tài chính cá nhân tiền bạc nên được cất giữ ở nơi an toàn, và không nên đặt nhiều tiền ở trên người để tránh thu hút sự chú ý của người khác.

十九、為維護宿舍安全，進出宿舍與寢室應養成隨身攜帶門禁卡及鑰匙之習慣；如有遺失，須主動報備。Để duy trì sự an toàn của ký túc xá, khi vào và ra khỏi ký túc xá nên hình thành phát triển thói quen mang theo thẻ ký túc xá và chìa khóa bên mình; nếu có bất kỳ mất mát nào, sinh viên phải chủ động báo cáo.

二十、應響應節能減碳，隨手關閉電源及不浪費水資源。Nên tiết kiệm năng lượng

và giảm carbon, tắt nguồn và không lãng phí nước

- 廿一、垃圾未依資源回收方式分類者，經查證屬實，每次處以愛舍服務2小時，協助資源回收整理。Nếu rác không được phân loại theo cách phục hồi tài nguyên, sinh viên đó sẽ phải phục vụ công ích trong 2 giờ để giúp tái chế tài nguyên.
- 廿二、不得在宿舍內接待任何非本校人員及非住宿生；同性同學若有探病需要，得徵得管理人員同意並持本人學生證換證後始得進入。為確保其餘住宿人員之權益，每次不得超過4人、時間不得超過1小時、每天限兩次，進入時間自8時至20時止。Sinh viên không được cho bất kỳ người nào không phải là sinh viên vào trong ký túc xá, nếu sinh viên cần đến bệnh viện, họ phải được sự đồng ý của nhân viên quản lý. Để đảm bảo quyền lợi của các nhân viên còn lại, không được quá 4 người một lúc, thời gian không quá 1 giờ, hai lần một ngày và thời gian nhập cảnh từ 8:00 đến 20:00.
- 廿三、禁止到異性樓層，電梯須依樓層管制規定搭乘使用。Không được phép đi đến tầng khác giới và thang máy phải được sử dụng theo quy định kiểm soát sàn.

致理科技大學校內宿舍住宿生違規扣點規定

為維護宿舍安全及秩序，採違規記點制方式，以10點為限，做為住宿申請審核之重要依據。記點採學期制，並得依連犯連記處分。累積達10點以上者，依規定告知家長(監護人)，並勒令退宿(扣點名單定期公告)。

一、住宿學生有下列各款行為者，應予記2點處分：

- (一)公物(如：桌、椅、書報雜誌)佔為己有，經勸導不聽者。
- (二)私自張貼廣告、海報或散發傳單或推銷行為。

二、住宿學生有下列各款行為者，應予記3點處分：

- (一)寢室內垃圾雜亂、丟棄，或在寢室外棄置垃圾，影響環境衛生者。
- (二)在寢室內或宿舍走廊停放腳踏車，或擺置物品者。

(三)未隨手關閉電源，或浪費水資源者。

(四)在宿舍走廊及交誼廳晾曬衣物，或在寢室內架設影響安全之物品者。

三、住宿學生有下列各款行為者，應予記4點處分：

(一)宿舍門禁管制期間離舍、返舍或不假外宿者。

(二)在宿舍(含寢室)內飼養動物者。

四、住宿學生有下列各款行為者，應予記5點處分：

(一)妨害他人自修或睡眠之音響及行動，如喧嘩、爭吵、彈吹奏樂器，經勸導不聽者。

(二)帶非住宿生入舍，或與其他住宿生共同使用一張床者。

(三)到異性樓層或房間者、帶異性進該樓層者。

(四)不配合宿舍幹部及管理人員之指揮(寢室內外之掃除工作、點名、入舍、清舍、離舍等)、勸導或輔導，情節嚴重或態度欠佳者。

(五)拒絕配合(參與)各項宿舍活動(如防災演練、會議、宿舍各項檢查、打掃輪值及競賽)者。

(六)在寢室內持有、使用高負載電器、爐具，或影響安全之物品者(經發現後將由宿舍管理人員代為保管至攜回為止)。

(七)毀損或破壞公物(含寢室內、外之牆壁)者。

(八)於走廊及樓梯間追逐或奔跑者。

(九)個人內務髒亂或物品亂放情形嚴重，且屢勸不改者。

五、住宿學生有下列各款行為者，應予記6點處分：

(一)私自轉讓住宿權利、擅自調換寢室及床位者。

(二)有妨礙或危害宿舍及住宿生安全之行為者。

六、住宿學生有下列各款行為者，應予記8點處分：

(一)宿舍公物經認定遭住宿生破壞，經書面通知逾時未回復原狀或賠償者。

(二)留宿非住宿人員者。

(三)在宿舍內或周邊吸菸者。

(四)攀爬圍牆或門窗進入宿舍或寢室者。

(五)無故開啟或使用消防安全設備(施)、逃生門(窗)及緊急按鈕。

(六)在宿舍內飲酒（含校外飲酒後返舍，可能衍生安全顧慮）者。

前款各目，如情節特殊顯可寬恕者，得酌減其記點。

七、住宿學生有下列各款行為者，勒令退宿：

(一)依第六點第一至六款規定遭違規記點處分，其情節重大或累計記點處分達10點以上者。

(二)於宿舍內偷竊、賭博、打麻將、飲酒鬧事、吸毒或鬥毆者。

(三)未經同意擅自前往頂樓露臺者。

遭勒令退宿之住宿生，立即通知其家長(監護人)，並應在1個月內遷離宿舍，亦不得再申請宿舍。尚未遷離期間如再犯，則依本校學生獎懲辦法議處。

八、住宿學生違反宿舍規定，除依規定扣點外，如情節重大，得另依本校學生獎懲辦法議處。

九、非住宿生進入宿舍，或於宿舍內從事違反校規之行為者，依本校學生獎懲辦法議處；非本校學生，則報警處理。

致理科技大學校內宿舍住宿公約

- 一、 為維護宿舍安全及秩序，住宿輔導管理採違規記點制，以 10 點為限，做為住宿申請審核之重要依據(請務必詳閱本校「學生宿舍住宿申請及輔導管理辦法」之內容)。
 1. Để bảo đảm nội quy trật tự và an toàn trong ký túc xá, ban quản lý ký túc sẽ sử dụng chế độ chấm điểm vi phạm, tối đa số điểm được trừ là 10 điểm, những bạn vi phạm nội quy từ 10 điểm trở lên sẽ bị xử phạt ngừng ở ký túc. (Đề nghị sinh viên đọc kỹ các quy định-quy chế của ký túc)
- 二、 宿舍門禁時間為 23：00，隔天 6：00 開放。每週一至週四 23：00 各樓樓長開始點名，請同學配合開寢室門，讓樓長入內點名，23：00 後禁止離舍。需外宿者，請本人於 19：00 前至軍訓室填寫外宿登記簿，每學期不可超過 10 天。點名未到同學，於 23：30 前自行向當週值星幹部回報；未回報者，視同遲歸或不假外宿，並依規定扣點。
 2. Giờ mở cửa: 6^h00, giờ đóng cửa: 23^h30 . Từ thứ 2 đến thứ 5 hàng tuần, lầu trưởng sẽ đến từng phòng điểm danh, các phòng phối hợp để lầu trưởng hoàn thành nhiệm vụ. Kể từ 23^h00 trở đi **sinh viên** không được phép rời ký túc. Sinh viên có nhu cầu ở qua đêm bên ngoài, trước 17:00 phải đến phòng quân sự viết đăng ký, mỗi một học kỳ không được phép ở ngoài quá 10 lần; Những bạn chưa kịp điểm danh , trước 23:30 tự túc đến phòng của cán bộ trong ký túc điểm danh bù; Nếu không đến điểm danh bù hoặc không xin phép ở ngoài qua đêm trước đều được liệt vào danh sách sinh viên vi phạm nội quy ký túc xá.
- 三、 為營造良好的睡眠品質，並讓住宿生可有較好的睡眠環境，無論平、假日晚間 11 時請將大燈關閉，個人可開啟桌(檯)燈，並降低音量或使用耳機，切勿干擾他人。
 3. Ngày nghỉ cũng như ngày thường, để không làm ảnh hưởng đến các bạn đi ngủ sớm, từ 23:00 trở đi đèn lớn trong phòng cần phải tắt, được phép để đèn bàn và không gây tiếng ồn lớn tránh ảnh hưởng đến những bạn còn lại.
- 四、 嚴禁帶非住宿生進入宿舍(不得在寢室內會客及接待異性同學或朋友，亦不得留宿外賓、親友或同學)，違規者皆記小過乙次並扣點；若發現非住宿生進入宿舍，請立即向樓長反映。
 4. Nghiêm cấm đưa khách, thân nhân, người ngoài, bạn bè vào ký túc tụ tập hoặc qua đêm, sinh viên vi phạm sẽ bị trừ điểm, nếu phát hiện có người lạ đột nhập vào ký túc đề nghị thông báo

ngay cho ban quản lý hoặc cán bộ ký túc xá.

五、 禁止到異性樓層或帶異性進該樓層，電梯須依樓層管制規定搭乘使用，違規者皆記小過乙次並扣點。

5. Cấm đi vào tầng của người khác giới hoặc dẫn người khác giới vào tầng phòng của mình. Thang máy phải được sử dụng theo quy định kiểm soát. Những người vi phạm các quy tắc trên sẽ bị trừ điểm và bị ghi lỗi.

六、 本校全面禁菸，如發現在宿舍內抽煙者，依校規記小過乙次並扣點。

6. Cấm hút thuốc lá trong ký túc xá, nếu bị phát hiện sẽ bị xử phạt theo quy định.

七、 為維護住宿安全，宿舍內禁止攜帶違禁物品，包括蠟燭、瓦斯爐、電磁爐、天線、電視、電鍋、液體式電蚊香、電壺等，經查獲者，除代為保管外並登記違規；亦不得飼養家禽或寵物。

7. Nghiêm cấm mang nến, bếp gas, bếp từ, ăng-ten, tivi, bếp điện, các loại dịch thể, vợt bắt muỗi, ấm đun nước, nuôi thú nuôi...v...v Nếu bị phát hiện có sử dụng những vật dụng trên sẽ bị xử phạt theo quy định và tịch thu hiện vật.

八、 除個人寢室外之「公共區域」應保持暢通及清潔，嚴禁放置任何物品(含鞋子、垃圾、雨傘等)；如經發現，將登記違規。

8. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ phòng trọ và khu công cộng trong ký túc xá, không để những vật tư như: ô, dép lê, rác...v...v tại nơi công cộng. Sinh viên vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định

九、 請勿在飲水機洗滌物品、倒廚餘(茶水、泡麵...)，以免造成飲水機細菌孳生；飲料、餐具請勿隨意亂置；垃圾請勿丟棄於廁所內。

9. Không được rửa các vật dụng ở bình nước công cộng, đổ rác chất thải (nước trà, mì tôm ...) trong nhà bếp, để tránh tạo ra vi khuẩn trong bình nước công cộng, không được tùy tiện vứt đồ ăn uống, không được vứt rác trong nhà vệ sinh.

十、 保持寢室內整齊清潔，每學期定期及不定期辦理宿舍環境整潔評比，並辦理獎懲。

10. Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ trong phòng ở, mỗi học kỳ ký túc xá sẽ tổ chức cuộc thi giữ gìn vệ sinh giữa các phòng, phòng đạt giải sẽ có thưởng và được ưu tiên tiếp tục ở lại ký túc trong năm sau.

十一、為共同維護並營造優質住宿環境，每週一至週四排定輪值打掃公共區域之寢室，請務必配合於晚間 23：30 前完成打掃，並請樓長檢查。

11. Để giữ gìn vệ sinh công cộng sạch sẽ, từ thứ 2 đến thứ 5 hàng tuần trưởng lầu sẽ sắp xếp phân công và kiểm tra tiến độ các phòng thay phiên trực nhật. Công việc trực nhật cần hoàn thành trước 23:30 và do trưởng lầu xác nhận và kiểm tra.

十二、為避免影響住宿安寧，交誼廳電視每天使用時間至 23：00，違者扣點。住宿生應有良好正常之作息並保持安靜，23：00 後請將音量放小(說話、關門、音樂、吹風機...)，勿干擾他人；24：00 後禁止盥洗，如有破壞秩序者，經樓長警告累計達 3 次者，記違規乙次；亦禁止賭博(含玩牌、麻將...)、飲酒及其他有妨害安寧之行為。

12. Tivi được phép sử dụng đến 23:00, Sau 23:00 đề nghị các bạn sinh viên đi nhẹ nói khẽ, không sử dụng những vật dụng gây ồn(máy sấy tóc, mở âm nhạc...). Không được phép tắm sau 24:00, những sinh viên vi phạm, lầu trưởng cảnh cáo 3 lần, nếu vẫn tái phạm sẽ bị xử phạt theo quy định. Nghiêm cấm chơi bài, uống rượu bia hay làm những hành vi gây tiếng ồn ảnh hưởng đến các bạn khác.

十三、貴重物品請勿攜至學校；私人物品、財物應自行妥善保管，學校不負保管責任。偷竊者，依校規記大過處分並通知家長且勒令退宿。未經准許，亦勿擅自進入他人寢室。

13. Đồ dùng cá nhân và tài sản quý giá sinh viên tự có trách nhiệm bảo quản, trường không chịu trách nhiệm cho việc thất lạc tài sản. Nếu phát hiện sinh viên nào có hành vi trộm đồ, cắp vật sẽ bị đuổi khỏi ký túc xá và thông báo cho phụ huynh. Nghiêm cấm tự tiện xâm phạm vào phòng trọ khác khi chưa được cho phép.

十四、宿舍公物若有損壞，請自行至學校首頁修繕登記系統填寫修繕表單，或至忠孝樓一樓總務處營繕組報修。

14. Nếu thiết bị hoặc đồ dùng công cộng trong ký túc bị hỏng có thể đến tòa nhà E phòng sửa chữa báo sửa.

十五、學期中若需退宿，須至軍訓室填寫退宿申請表，並通報該樓層樓長，俾以辦理相關手續。未經報備擅自搬離宿舍者，取消所有學期住宿資格。

15. Nếu sinh viên không muốn ở trong ký túc xá trong học kỳ, thì phải đến phòng giáo quan điền vào mẫu đơn xin trả lại ký túc xá và thông báo cho tầng của tòa nhà, và làm các thủ tục liên quan. Những người di chuyển ra khỏi ký túc xá mà không báo cáo sẽ bị hủy bỏ tư cách ở ký túc xá trong tất cả các học kỳ.

十六、住宿生應接受教官、師長指導暨樓長之管理，若違反規定，依規定議處。

16. Sinh viên trong ký túc cần tôn trọng và tuân thủ những quy định của trường và của ban quản lý ký túc xá.

十七、如有緊急事項，應先通報值班教官及樓長（軍訓室專線 02-22580318 分機 1212，教官值勤室分機 3912）。

17. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp (phòng quân sự: 02-22580318/1212, phòng của thầy/cô phụ trách: 02-22580318/3912)

十八、不得運用電腦、網路或其他電子設施，從事違反本校及教育部網路使用規範，或侵犯他人智慧財產權者，一律按校規規定懲處。

18. Nghiêm cấm lạm dụng tài nguyên trí tuệ của trường (mạng, máy tính...)

十九、住宿一律以兩個學期計（按學期收費），中途辦理退宿或放棄住宿資格者，不退還住宿保證金。下學期欲辦理退宿者，須於上學期末公告日期內提出退宿申請，逾期未辦理者以繼續住宿論，新學期須繳交全部住宿費。

19. Ký túc xá thu phí theo hình thức một học kỳ một lần và tính theo năm, nếu bỏ giữa chừng sẽ không hoàn trả tiền ứng trước. Kết thúc một học kỳ, với những học sinh muốn xin ngừng ở ký túc phải đi đăng ký trong thời gian quy định, quá hạn đăng ký vẫn phải đóng tiền như bình thường.

二十、因故經奉准退宿者，退費依照本校之「休、退學退費作業規定」辦理（學期第一週至第六週退宿者，退住宿費三分之二；學期第七週至第十二週退宿者，退住宿費三分之一；學期第十三週(含)以後退宿者，不予退費。）

20. Với những trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng xin ngừng ở ký túc xá, phí hoàn trả sẽ căn

cứ vào quy định của trường xét duyệt (thời gian ở từ 1 đến 6 tuần hoàn trả 2/3 phí, thời gian ở từ 7 đến 12 tuần hoàn trả 1/3 phí, thời gian ở từ 13 tuần trở lên không hoàn trả phí, tính theo học kỳ)

二十一、已詳閱並認同本校學生宿舍住宿申請及輔導管理辦法、自治委員會設置辦法及學生獎懲辦法有關宿舍規定。

21. Đã đọc rõ và đồng ý sẽ tuân thủ các quy định mà ban quản lý đã đề ra, và cả những quy định thuộc hình thức thưởng phạt của hội đồng thành viên nhà trường.

本人已詳閱上述住宿生應遵守事項、違規扣點規定及住宿公約內容並同意遵守立約人

Tôi đã đọc kỹ nội dung trên và đồng ý tuân thủ theo các nguyên tắc mà ban quản lý đã đề ra.

班級：Lớp:

學號：Mã số SV:

學生簽名：SV ký tên (ký họ lẫn tên):

中 華 民 國

年

月

日